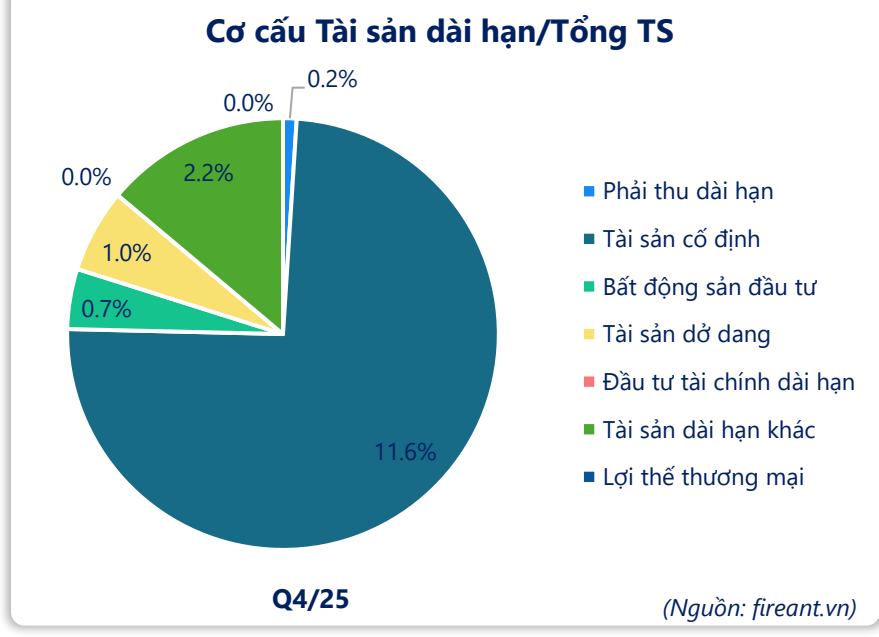
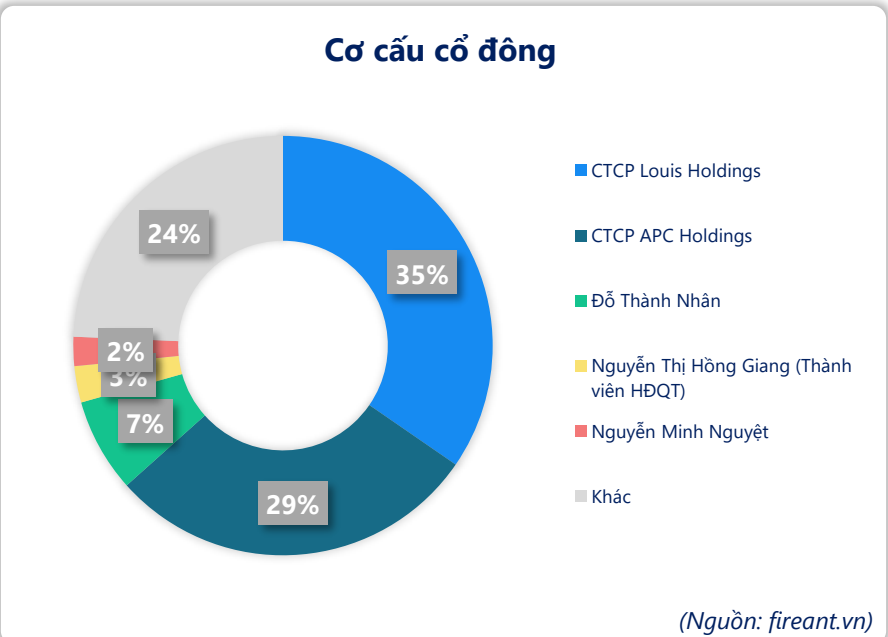
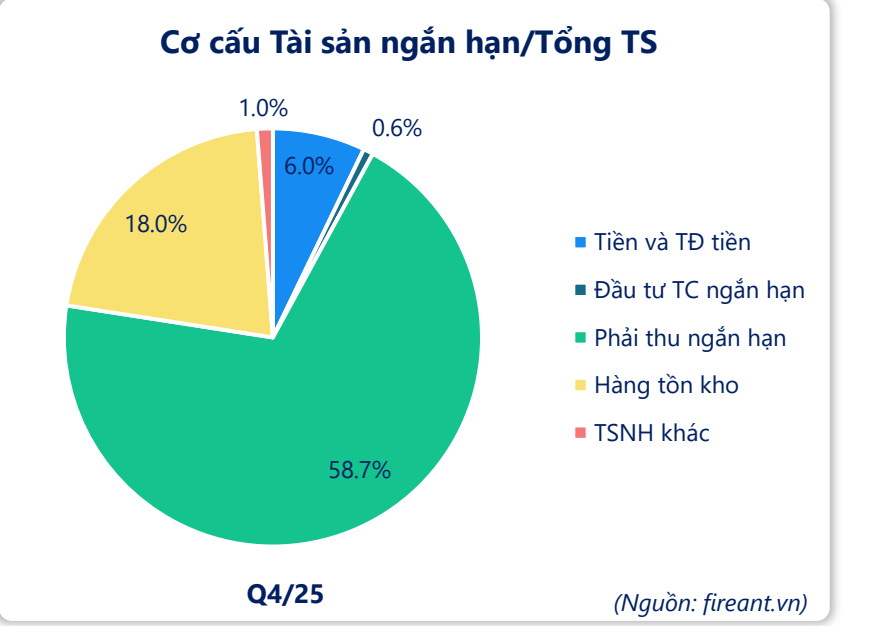
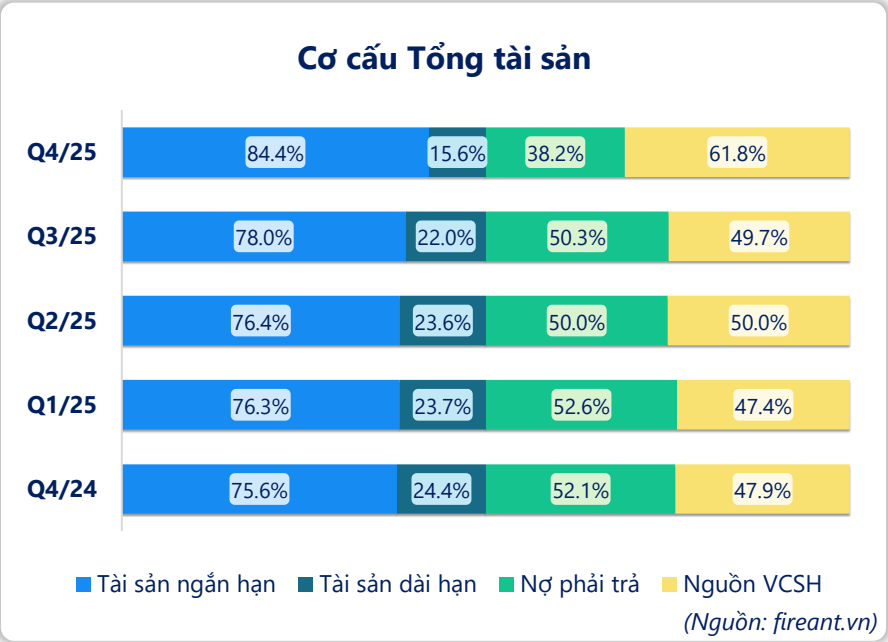
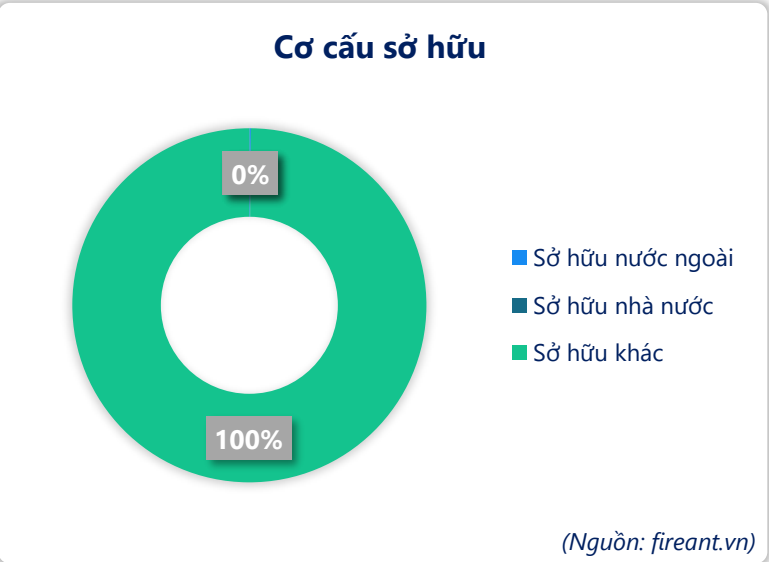
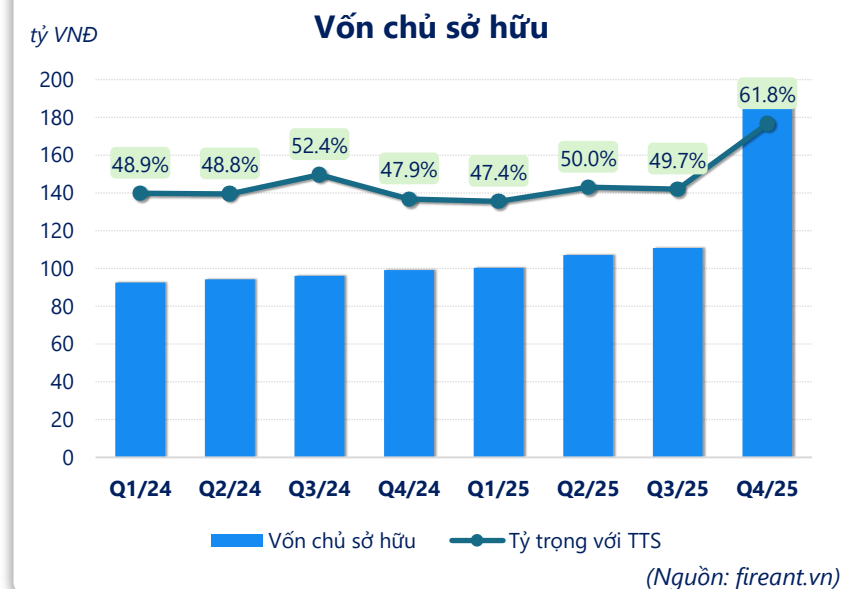
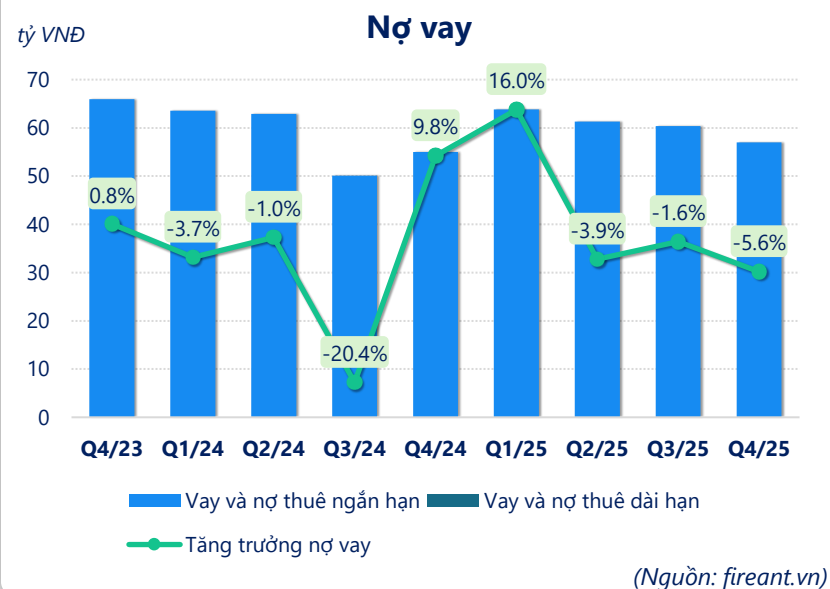
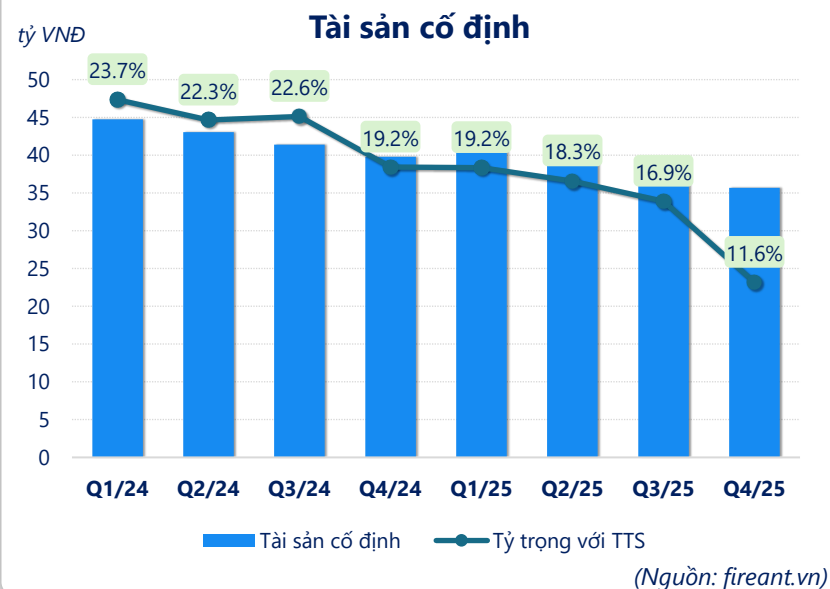
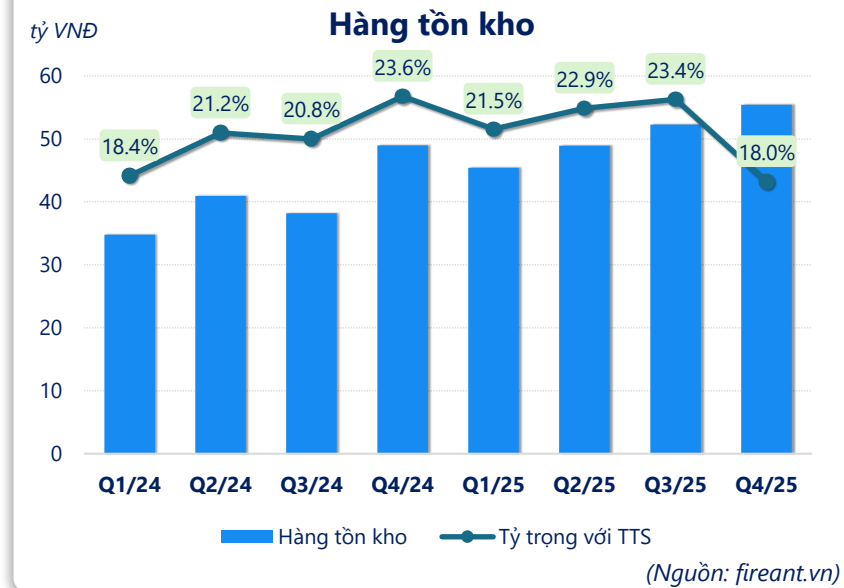
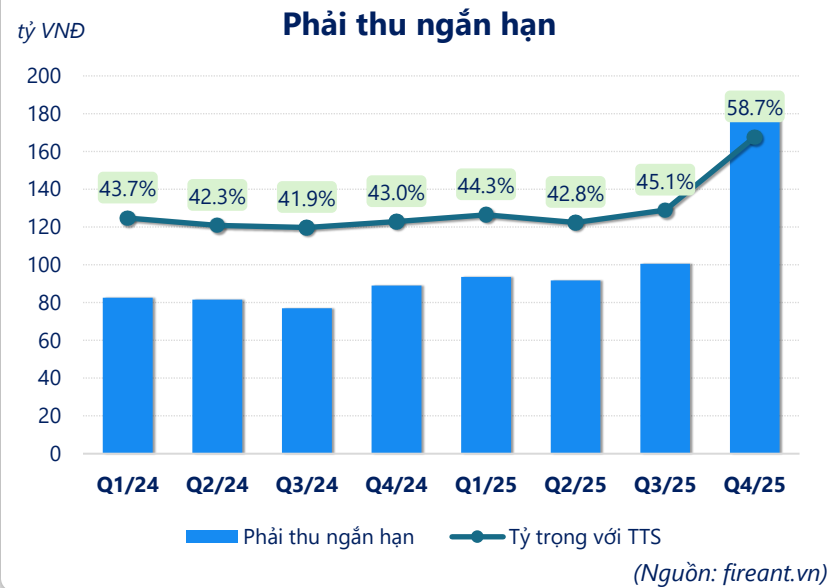
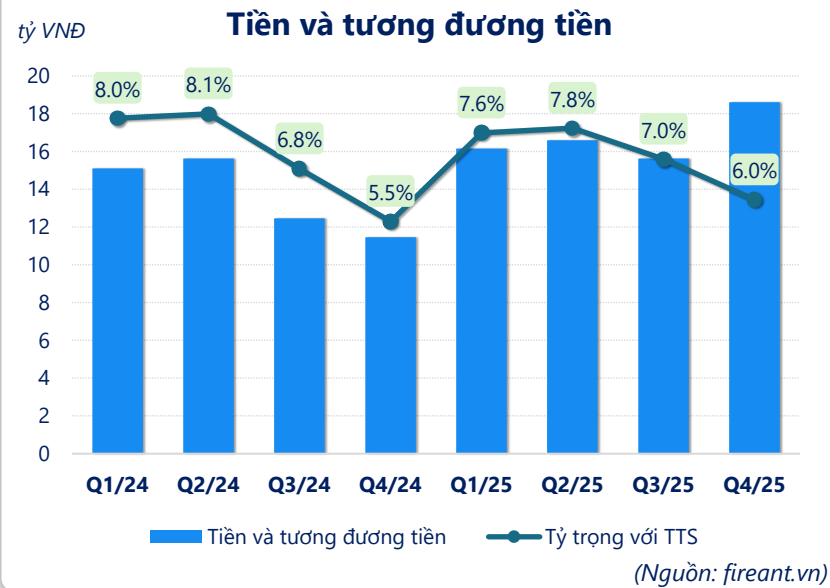
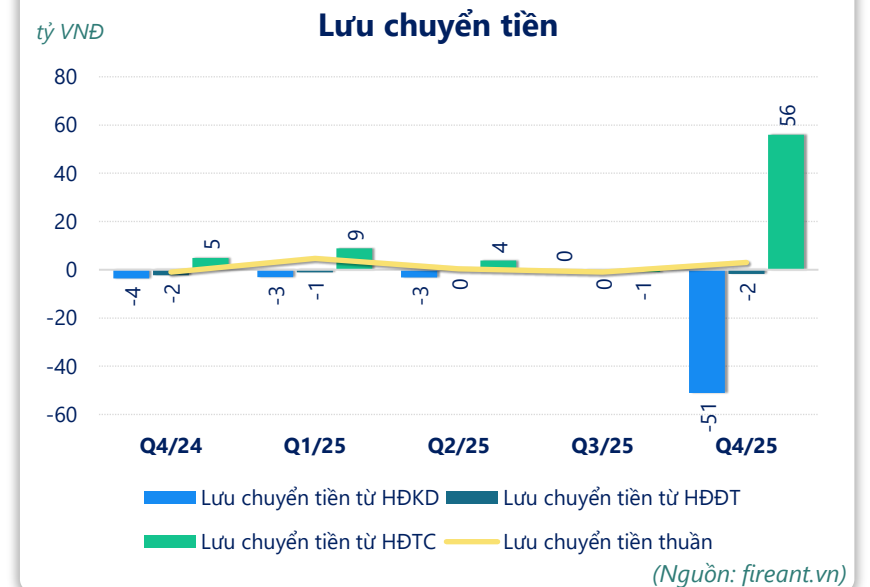
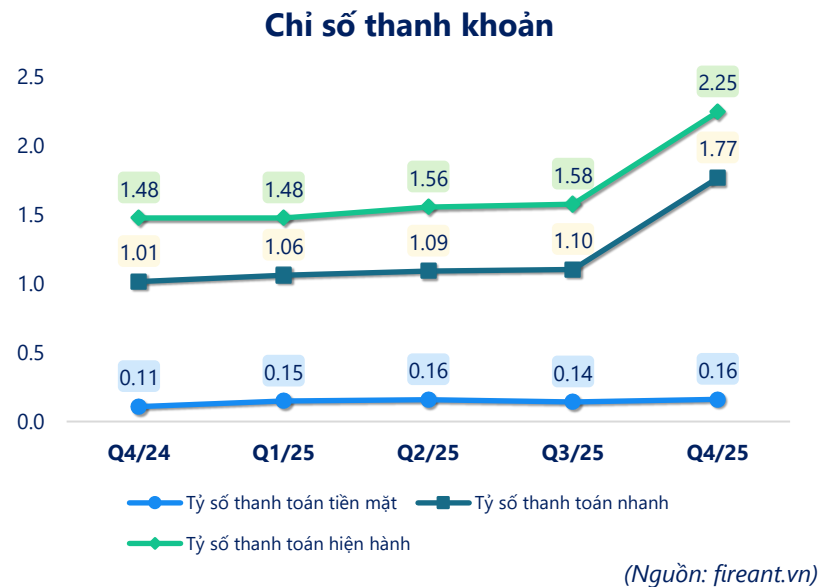
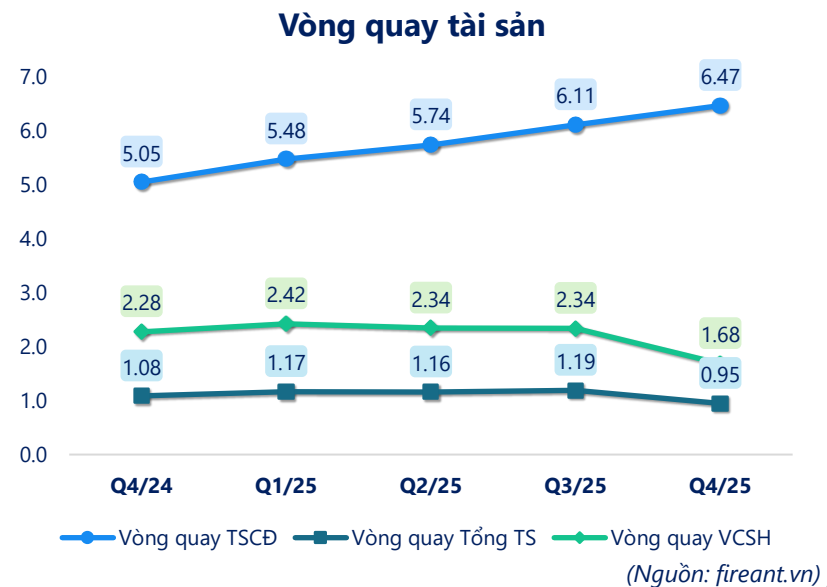
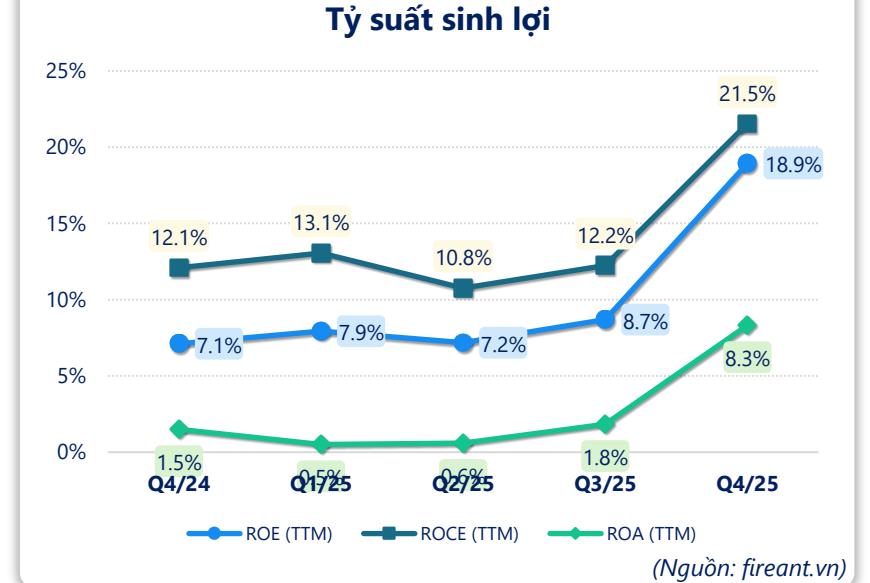
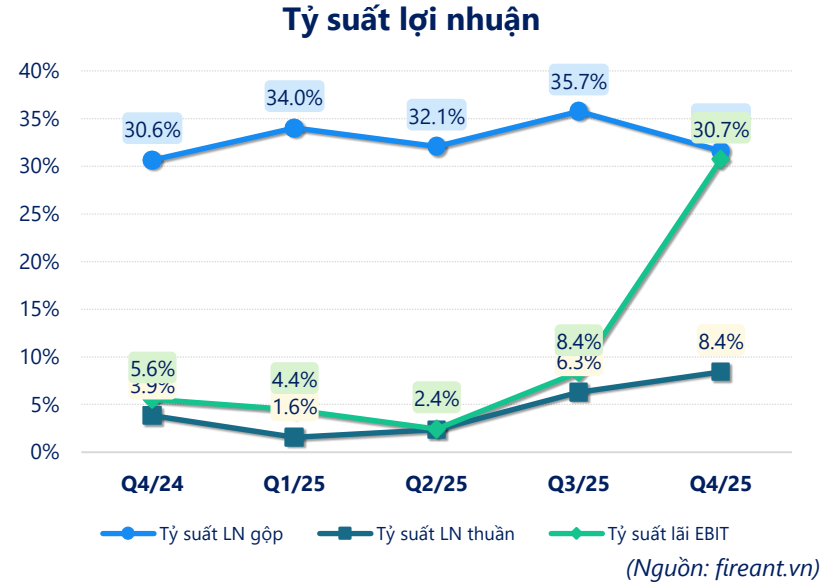
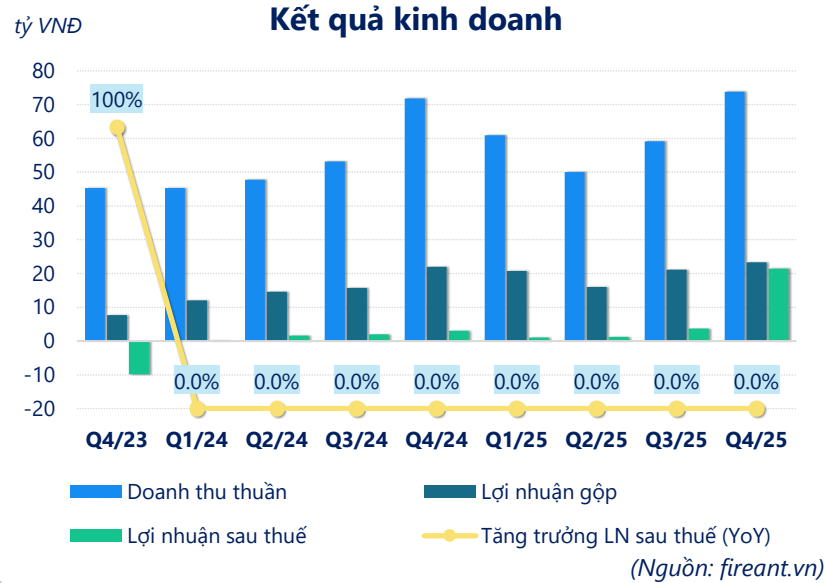


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,600
SL cổ phiếu LH		18,728,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)		75,325
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		208
P/E		7.6
EPS		1,463

	YTD	1T	3T	6T
LDP	9.9%	-7.5%	-6.7%	1.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	308	207	48.6%
Tài sản ngắn hạn	260	157	65.9%
Tiền và tương đương tiền	18.6	11.5	62.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	4.69	-57.4%
Phải thu ngắn hạn	181	89.1	103%
Hàng tồn kho	55.4	49.0	13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	3.19	2.52	26.4%
Tài sản dài hạn	48.0	50.4	-4.9%
Phải thu dài hạn	0.49	0.16	201%
Tài sản cố định	35.7	39.8	-10.3%
Bất động sản đầu tư	2.16	2.27	-4.8%
Tài sản dở dang	3.00	2.85	5.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.66	5.37	24.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	108	9.0%
Nợ ngắn hạn	116	106	9.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.0	55.0	3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.0	31.5	-1.8%
Nợ dài hạn	1.78	1.77	0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	190	99.3	91.7%
Vốn chủ sở hữu	190	99.3	91.7%
Vốn điều lệ	187	127	47.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	71.8	60.9	50.0	59.2	73.8
Giá vốn hàng bán	49.8	40.2	34.0	38.0	50.5
Lợi nhuận gộp	22.0	20.7	16.0	21.2	23.3
Doanh thu HĐTC	0.06	0.36	0.27	0.13	0.24
Chi phí TC	2.63	2.04	0.02	1.39	1.64
Chi phí lãi vay	0.96	1.69	-0.01	1.24	1.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.4	9.89	9.71	9.68	10.6
Chi phí QLDN	6.25	8.19	5.40	6.49	5.11
LN thuần từ HĐKD	2.76	0.96	1.18	3.73	6.22
Lợi nhuận khác	0.26	0.06	0.05	0.01	15.2
LN trước thuế	3.02	1.01	1.22	3.74	21.4
Lợi nhuận sau thuế	3.02	1.01	1.22	3.74	21.4
LNST của CĐ cty mẹ	3.02	1.01	1.22	3.74	21.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.61	-3.05	-3.19	0.16	-51.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.32	-1.05	-0.21	-0.15	-1.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.93	8.80	3.84	-0.97	55.9
Tiền đầu kỳ	12.5	11.5	16.1	16.6	15.6
Lưu chuyển tiền thuần	-1.00	4.70	0.44	-0.96	2.98
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.5	16.1	16.6	15.6	18.6

(Nguồn: fireant.vn)